

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2024

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Trần Văn Tám**

2- Bà **Nguyễn Thị Hồng Thắm**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:**
Ông **Huỳnh Hải Đăng** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 130/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp XL A, xã TY A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp HB, xã LT, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (*Có mặt*)

2. **Bị đơn:** Anh **Dư Thành P**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp XL A, xã TY A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2024 nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Dư Thành P tổ chức lễ cưới vào năm 2004, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị chung sống với nhau đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P chơi bời, không chăm lo làm ăn, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh P không nghe, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị và anh P không còn sống chung với nhau từ năm 2014 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh P, để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh P có 02 người con tên Dư Hồng Y, sinh ngày 22/5/2006, giới tính nữ và Dư Thành P1, sinh ngày 29/01/2011, giới tính nam. Khi ly hôn chị đồng ý giao Dư Thành P1 cho anh P nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Còn Dư Hồng Y đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị tự thỏa thuận với anh P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dư Thành P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh Dư Thành P về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Anh P vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, HĐXX và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về phần nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị H và anh Dư Thành P.

Về con chung, giao con chung tên Dư Thành P1, sinh ngày 29/01/2011, giới tính nam cho anh Dư Thành P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung chị H tự thỏa thuận với anh P.

Về nợ chung thì chị H và anh P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Dư Thành P được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Dư Thành P.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị H trình bày chị và anh Dư Thành P tổ chức lễ cưới vào năm 2004, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Yên A. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị H và anh P là không hợp pháp.

Theo chị H trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh P chơi bời, chị H đã khuyên can nhiều lần nhưng anh P không nghe, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị H và anh P không còn sống chung với nhau từ năm 2014 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù chị H yêu cầu được ly hôn với anh P nhưng do chị H và anh P không đăng ký kết hôn nên mối quan hệ vợ chồng không được pháp luật công nhận. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh P.

Về con chung: Chị H và anh P có 02 người con tên Dư Hồng Y, sinh ngày 22/5/2006, giới tính nữ và Dư Thành P1, sinh ngày 29/01/2011, giới tính nam.

Khi ly hôn chị H đồng ý giao Dư Thành P1 cho anh P nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai cháu Dư Thành P1 cũng có nguyện vọng được ở với cha. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thống nhất giao con chung Dư Thành P1, sinh ngày 29/01/2011, giới tính nam cho anh Dư Thành P

trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con tên Dư Hồng Y hiện đã đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị H có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H tự thỏa thuận với anh P, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về nợ chung: Chị H xác định trong thời gian vợ chồng chung sống, chị H và anh P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị H và anh Dư Thành P là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Dư Thành P1, sinh ngày 29/01/2011, giới tính nam cho anh Dư Thành P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

Đối với con tên Dư Hồng Y hiện đã trưởng thành có cuộc sống riêng, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị H tự thỏa thuận với anh P, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về nợ chung: Chị H và anh P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000542 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/9/2024). Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- CCTHADS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã Thạnh Yên A;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh